TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Số: 29/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 09/7/2019
V/v "tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vũ Văn Thi**
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông **Bùi Quang Phú**
2. Bà **Nguyễn Thị Hương**
- *Thư ký phiên tòa* : Bà **Hồ Thị Oanh** – Thư ký Tòa án
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa:*
Ông **Nguyễn Thanh Kỳ** – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2019/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp *"ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm: 1980 (có mặt)
Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước

2. Bị đơn: Ông **Trần Văn H1**, sinh năm: 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt)
HKTT: ấp 8, xã H, huyện N, tỉnh Bình Phước
Chổ ở hiện nay: Thôn B, xã V, huyện L, tỉnh Hà Nam

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 21 tháng 12 năm 2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H tự nguyện sống chung với ông Trần Văn H1 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện N, tỉnh Bình Phước vào năm 2002. Tuy nhiên hiện nay bà H đã bị thất lạc giấy chứng nhận kết hôn. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu nhau trong thời gian khoảng 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại ấp A, xã T, huyện N, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên vợ chồng đã lý thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay nhận thấy vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà H xin ly hôn với ông Trần Văn H1.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Bích N, sinh ngày 29/3/2003 và Trần Văn Đ, sinh ngày 29/11/2006. Khi ly hôn, bà H xin được quyền nuôi con, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra hiện nay bà H không mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn H1 trình bày :

Căn cứ biên bản lấy lời khai ngày 08/4/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam ông Trần Văn H1 trình bày:

- Về hôn nhân: Ông H1 thống nhất với bà H về quan hệ hôn nhân, thời gian mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian sống ly thân. Nay bà H xin ly hôn, ông H1 đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trần Thị Bích N, sinh ngày 29/3/2003 và Trần Văn Đ, sinh ngày 29/11/2006. Khi ly hôn, ông H1 đồng ý giao 02 con cho bà H nuôi con, ông H1 không cấp dưỡng nuôi con chung. Ngoài ra vợ chồng không có con nuôi.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

Do hiện đang ở xa, không đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án được nên ông H1 xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh phát biểu ý kiến:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục cấp tống đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị gì về tố tụng.

- Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội Đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H1 là vợ chồng .

- Về con chung: Giao con tên Trần Thị Bích N, sinh ngày 29/3/2003 và Trần Văn Đ, sinh ngày 29/11/2006 cho bà H nuôi dưỡng

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà H và ông H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bà H có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông H1. Xét ông H1 có hộ khẩu tại ấp 8, xã H, huyện N, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Bị đơn là ông Trần Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà H và ông H1 cho rằng vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào năm 2002, tuy nhiên theo bà H thì hiện giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị thất lạc nên không cung cấp cho Tòa án được, ngày 17/6/2019 Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh tiến hành xác minh tại Ủy ban nhân dân xã H thì được biết vào thời điểm năm 2002, do hồ sơ lưu trử bị thất lạc nên Ủy ban nhân dân xã H không thể trích lục giấy chứng nhận kết hôn của ông H1, bà H. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để cho rằng ông H1 và bà H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H. Xét cần áp dụng khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình tuyên bố không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H1 là vợ chồng là phù hợp.

[3] Về con chung: Bà H và ông H1 có 02 con chung tên Trần Thị Bích N, sinh ngày 29/3/2003 và Trần Văn Đ, sinh ngày 29/11/2006 hiện đang sống với bà H. Giữa bà H và ông H1 thống nhất giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét sự thỏa thuận

của các đương sự là tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông H1 và bà H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có .

[7]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

[8]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm;

- Khoản 1 Điều 14, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H, không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Thị Bích N, sinh ngày 29/3/2003 và Trần Văn Đ, sinh ngày 29/11/2006 cho bà H nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên theo luật định.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Bà H tự nguyện chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006451 ngày 25/02/2019.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng có bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận :
-TAND tỉnh Bình Phước ;
- VKSND huyện Lộc Ninh;
- CC.THADS huyện Lộc Ninh;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Thi